

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/DS-ST
Ngày: 26/5/2022.
V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Ông Trần Văn Nghiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-DS ngày 31/3/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-DS ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-DS ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:**

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1974.

- Võ Thị C, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T. Đại diện theo ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

***Bị đơn:**

- **Võ Long S**, sinh năm 1965

- **Mai Thị L**, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S và bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu N trình bày: Vào khoảng năm 2017 đến năm 2018, ông S và bà L có mua thức ăn gia súc tại cửa hàng thức ăn gia súc do ông T, bà C làm chủ để chăn nuôi với tổng số tiền là 57.510.000 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm mười ngàn đồng). Sau đó, ông bà

có trả dần nhiều lần. Đến ngày 10/02/2021 thì ông bà có thống nhất còn nợ ông T, bà C tổng số tiền là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng), ông bà có viết và ký tên vào giấy xác nhận công nợ ngày 10/02/2021. Đến ngày 28/12/2021, ông bà có trả được 1.000.000 đồng (một triệu đồng), số tiền còn lại là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) đến nay ông bà không trả. Ông T, bà C đã nhiều lần đề nghị bà trả nợ nhưng ông bà chưa thực hiện.

Nay ông T, bà C yêu cầu:

- Ông Võ Long S và bà Mai Thị L cùng liên đới trả số tiền còn nợ là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày viết xác nhận công nợ là ngày 10/02/2021 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Võ Long S, bà Mai Thị L vắng mặt. Ông S, bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông S, bà L vắng mặt không đến và cũng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông T, bà C yêu cầu ông S, bà L trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 10/02/2021 đến ngày xét xử là 15 tháng 16 ngày với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 5.543.000 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng), yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét bị đơn ông Võ Long S, bà Mai Thị L vắng mặt, ông S, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, quyết định xét xử vắng mặt ông S, bà L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C yêu cầu ông Võ Long S và bà Mai Thị L cùng liên đới trả số tiền còn nợ là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) là có cơ sở, bởi lẽ: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông T, bà C đã cung cấp: “Giấy xác nhận công nợ ngày 10/02/2021 có chữ ký tên của ông S, bà L”. Thể hiện giữa ông T, bà C và ông S, bà L đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Phía ông S, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ nên cần buộc ông S, bà L có trách nhiệm trả cho ông T, bà C số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Chị N đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C yêu cầu tính lãi của số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) từ kể ngày 10/02/2021

đến ngày xét xử là ngày 26/5/2022 là 15 tháng 16 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 5.543.000đồng. Xét yêu cầu này của chị N đại diện ủy quyền là có cơ sở một phần, bởi lẽ: Do ông S, bà L chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với ông T, bà C nên ông S, bà L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất do ông T, bà C yêu cầu ông S, bà L trả là phù hợp với mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại giấy xác nhận công nợ ngày 10/02/2021 có thể hiện: “ngày 28/12/2021 có trả 1.000.000 một triệu” điều này phù hợp với lời trình bày của chị N (đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C), tuy nhiên chị N yêu cầu ông S, bà L trả lãi tính từ ngày xác nhận công nợ là ngày 10/02/2021 là chưa phù hợp, bởi lẽ, cần điều chỉnh ngày ông S, bà L trả lãi là ngày 29/12/2021 mới phù hợp theo quy định pháp luật. Do đó cần buộc ông S, bà L trả lãi tính từ ngày 29/12/2021 đến ngày 26/5/2022 là 04 tháng 27 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 1.748.810 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm mười đồng).

[5] Về thời gian trả: Ông T, bà C yêu cầu ông S, bà L trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này ông S, bà L để kéo dài không trả cho ông T, bà C đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, bà C nên cần buộc ông S, bà L trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu trả lãi của nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 275, 280, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C.

Buộc ông Võ Long S, bà Mai Thị L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C tổng số tiền là 44.748.810 đồng ((bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm mười đồng), (trong đó có 43.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.748.810 đồng)).

Thời gian trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C yêu cầu ông Võ Long S, bà Mai Thị L trả số tiền lãi là 3.794.190 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn một trăm chín mươi đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Long S, bà Mai Thị L phải chịu 2.237.400 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C đã nộp 1.190.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006096 ngày 31/3/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện G được căn trừ nên hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị C số tiền là 890.000 đồng (tám trăm chín mươi ngàn đồng).

*Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh